

BẢN TIN NHÀ ĐẦU TƯ QUÍ 1 NĂM 2025

IR NEWS LETTER QUARTER I 2025



Chỉ tiêu/Criteria	QUÍ 1-2024 Q1-2024	QUÍ 1-2025 Q1-2025	Ghi chú Notes
Tổng doanh thu/Total revenue (Triệu đồng/Mil VND)	227,564	280,098	So sánh với cùng kỳ năm trước, tổng doanh thu tăng 23.08 % và lợi nhuận trước thuế tăng 27.1%. Compared to the same period last year, total revenue increased by 23.08% and profit before tax increased by 27.1%.
Lợi nhuận gộp/Gross profit (Triệu đồng/Mil VND)	168,281	216,041	
Lợi nhuận trước thuế Profit before tax (Triệu đồng/Mil VND)	168,166	213,683	
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%) Gross profit margin (%)	79.07	81.11	
Tỷ suất lợi nhuận ròng (%) Net profit margin (%)	69.2	64.18	

Sản lượng/Volume	Quý 1 2024 Quarter I-2024	Quý 1 2025 Quarter I-2025
Tổng sản lượng hàng hóa (Tấn), bao gồm: Total cargo volume (Ton), incl:	58,432	64,253
•Hàng quốc tế/Int'l	42,632	49,483
•Hàng quốc nội/Dom	15,800	14,770

So sánh với cùng kỳ năm trước, sản lượng Quý 1 năm nay tăng 10,0%, trong đó hàng hóa quốc tế tăng 16,1%, quốc nội giảm 6,5%.

Compared with the same period last year, total output in fourth quarter this year increased by 10.0 %, of which international cargo increased 16.1%, domestic cargo decreased 6.5%.

NGÀNH HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ YẾU MAIN EXPORT PRODUCTS	GIÁ TRỊ/AMOUNT (USD)		
	TOÀN CẦU/TOTAL	MỸ/USA	%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện Computers, electronic products and components	72,580,000,000	23,200,000,000	32.0%
Điện thoại các loại và linh kiện Phones of all kinds and accessories	53,890,000,000	9,820,000,000	18.2%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác Machinery, equipment, tools and other spare parts	52,190,000,000	22,050,000,000	42.2%
Hàng dệt may Textiles	37,040,000,000	16,150,000,000	43.6%
Giày dép các loại Shoes of all kinds	22,870,000,000	8,280,000,000	36.2%
Gỗ và sản phẩm gỗ Wood and wood products	16,280,000,000	9,060,000,000	55.7%
Hàng thủy sản Seafood products	10,040,000,000	1,830,000,000	18.2%
Hàng rau quả Fruit and vegetable	7,150,000,000	360,000,000	5.0%